

Bản án số: 18/2020/HS-ST  
Ngày 17/6/2020

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Thái Văn Chân.

*Thẩm phán:* Phạm Tấn Tài.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Trần Thị Lan;
2. Ông Nguyễn Văn Khỏe;
3. Ông Lý Thanh Tú.

***- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:***

1. Ông Nguyễn Hoàng Hải Đăng;
2. Bà Lê Ngọc Thư.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:***

1. Ông Phạm Hải Càng - Kiểm sát viên.
2. Bà Nguyễn Hoàng Anh Thảo - Kiểm sát viên.

Trong ngày 17 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 19/2020/TLST-HS ngày 01 tháng 6 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2020/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 6 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang, đối với bị cáo:

**Trần Văn V**, sinh ngày 02/11/1988; Giới tính: Nam; Nơi cư trú: Tổ 08, khóm VC 2, phường VN, thành phố CD, tỉnh An Giang; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Đạo Phật giáo Hòa Hảo; Trình độ học vấn: Lớp 9/12; Nghề nghiệp: Làm thuê; Cha: Trần Văn L (chết); Mẹ: Đoàn Thị X, sinh năm 1941; Vợ: Hà Thị Minh M, sinh năm 1992 (đã ly hôn). Năm 2013 chung sống như vợ chồng với Hồ Thị L, sinh năm 1990 đến năm 2018 ly hôn; năm 2018 chung sống như vợ chồng với Nguyễn Thị Trúc P, sinh năm 1992 đến tháng 11/2019 ly

hôn và chung sống như vợ chồng với Đinh Thị T, sinh năm 1992 cho đến ngày bị bắt. Có 02 người con, lớn sinh năm 2012, nhỏ sinh năm 2018.

Ngày 09/11/2015 bị Công an huyện CP, tỉnh An Giang xử phạt số tiền 500.000 đồng, về hành vi “Vận chuyển hàng cấm”, đã nộp phạt xong.

- Tiền án, tiền sự: Không.
- Bị cáo bị bắt, tạm giam từ ngày 20/01/2020 cho đến nay.
- Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

\* Người bào chữa:

Luật sư: Ông Nguyễn Ngọc C – Văn phòng Luật sư Nguyễn Trần, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh An Giang.

Địa chỉ: Số 68, đường CCT, phường CP A, thành phố CD, tỉnh An Giang.

\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Đoàn Thị X, sinh năm 1941. (vắng mặt)

Cư trú: Số 325, tổ 8, khóm VC 2, phường VN, thành phố CD, tỉnh An Giang.

2. Nguyễn Thị Trúc P, sinh năm 1992. (vắng mặt)

Cư trú: Số 280D, ấp PT, xã DP, huyện AP, tỉnh An Giang.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 11 giờ 15 phút ngày 20/01/2020, Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an thị xã TC, tỉnh An Giang kết hợp cùng Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an tỉnh An Giang tuần tra tại khu vực bến đò DP thuộc ấp VT 2, xã CP, thị xã TC, phát hiện Trần Văn V điều khiển xe mô tô hiệu Exciter màu đen, biển số 67G1 – 638.09 xuống đò có biểu hiện nghi vấn hoạt động mua bán ma túy, nên mời về trụ sở Công an xã CP để kiểm tra. Qua kiểm tra, phát hiện V cất giấu trong người 01 khẩu trang y tế màu xanh bên trong có 01 bọc nylon chứa tinh thể màu trắng và V khai nhận là ma túy đá đem bán cho người thanh niên tại thị trấn CV, huyện PT, nên lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, thu giữ vật chứng và tạm giữ xe mô tô; giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô; 02 điện thoại di động của V để xử lý. Đồng thời, tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của V tại số 325, tổ 08, khóm VC 2, phường VN, thành phố CD, tỉnh An Giang, thu giữ thêm 04 bọc nylon chứa tinh thể màu trắng; 20.000.000 đồng, cùng các vật dụng có liên quan đến việc phân lẻ, sử dụng ma túy. Ngày 29/01/2020 V bị khởi tố, điều tra.

Quá trình điều tra còn xác định: Khoảng tháng 6/2015, V bắt đầu sử dụng ma túy đá và thường mua ma túy của nhiều đối tượng lạ ở thành phố CD (không rõ họ, tên, địa chỉ). Trong thời gian trên, V thường đến huyện TB đá gà ăn thua bằng tiền, tại đây V quen biết một người thanh niên dân tộc Khmer (không rõ họ, tên, địa chỉ) có bán ma túy. Từ đầu tháng 01/2020 đến ngày 20/01/2020, để có tiền tiêu xài và ma túy sử dụng, V mua ma túy của người thanh niên dân tộc Khmer 02 lần đem về bán lại và sử dụng. Cụ thể:

Vào khoảng đầu tháng 01/2020, V đến huyện TB gặp người thanh niên dân tộc Khmer mua 01 bọc ma túy đá 100 số, với giá 6.000.000 đồng, V lấy một ít sử dụng, số còn lại V đem đến xã PH, huyện PT bán cho người thanh niên lạ (không rõ họ, tên, địa chỉ) với giá 6.500.000 đồng, V thu lợi được 500.000 đồng tiêu xài cá nhân. Theo V khai người thanh niên mua ma túy có sử dụng sim điện thoại số 0849.147.714, qua xác minh người đứng tên chủ thuê bao này là Tô Thị Út G.

Đến ngày 17/01/2020, V tiếp tục đến huyện TB gặp người thanh niên dân tộc Khmer hỏi mua 2,5 lạng ma túy đá, với giá 94.000.000 đồng, V trả trước 44.000.000 đồng, còn nợ lại 50.000.000 đồng. Số ma túy mua được, V đem về nhà cất giấu. Sáng ngày 20/01/2020, người thanh niên hỏi mua lần đầu điện thoại cho V đặt mua 200 số ma túy với giá 12.000.000 đồng và hẹn địa chỉ giao nhận tại khu vực kinh XL, xã PH, huyện PT. Khi đó, V lấy 01 bọc ma túy để vào khẩu trang y tế màu xanh cất giấu trong người, rồi mượn xe mô tô hiệu Exciter biển số 67G1 – 638.09 của Nguyễn Thị Trúc P (chung sống như vợ chồng với V) đến điểm hẹn để bán ma túy, nhưng trên đường đi thì bị phát hiện bắt giữ và khám xét nơi ở của V thu giữ thêm số ma túy mà V đã mua của người thanh niên dân tộc Khmer.

\* Căn cứ các Kết luận giám định số 27, 28/KLGT-PC09 (MT) ngày 23 và 24 tháng 01 năm 2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh An Giang, ghi nhận:

- Mẫu M gửi đến giám định là ma túy, loại Methamphetamine, có khối lượng 40,4642g.

- Mẫu M1, M2, M3, M4 gửi đến giám định là ma túy, loại Methamphetamine, có tổng khối lượng 207,4368g.

Tại Bản Cáo trạng số 30/CT-VKSAG.P1 ngày 29/5/2020 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang, đã truy tố:

Bị cáo Trần Văn V, về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, theo điểm b khoản 4 Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, bị cáo Trần Văn V khai nhận: Trong thời gian bị cáo chơi đá gà ăn thua bằng tiền tại huyện TB, có quen biết một người đàn ông dân tộc Khmer có bán ma túy, nên bị cáo có hỏi mua nhiều lần để sử dụng, do bị cáo nghiện ma túy và muốn có tiền tiêu xài, có ma túy sử dụng. Đầu tháng 01/2020, bị cáo hỏi mua của người dân tộc Khmer 01 bọc ma túy đá 100 số, với giá 6.000.000 đồng, bị cáo lấy lại một ít sử dụng, sau đó bán lại cho người thanh niên ở CV, huyện PT

giá 6.500.000 đồng, thu lợi được 500.000 đồng tiêu xài cá nhân. Đến ngày 17/01/2020, bị cáo tiếp tục mua ma túy đá của người Khmer số lượng 2,5 lạng, giá 94.000.000 đồng, trả trước 44.000.000 đồng, còn nợ lại 50.000.000 đồng và đem số ma túy này về nhà cất giấu. Sáng ngày 20/01/2020, người thanh niên mua ma túy lần trước điện thoại hỏi mua 200 số ma túy, giá 12.000.000 đồng, hẹn địa điểm giao nhận tại khu vực kinh XL thuộc xã PH, huyện PT. Trên đường đi giao số ma túy này thì bị phát hiện và bắt giữ. Bị cáo biết việc làm của bị cáo là vi phạm pháp luật, rất ăn năn hối cải, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt, để bị cáo có điều kiện sớm trở về lo cho gia đình.

Kiểm sát viên thực hành quyền công tố tại phiên tòa, sau khi xét hỏi, tranh luận, xem xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo; xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; giữ nguyên Cáo trạng như đã truy tố đối với bị cáo Trần Văn V. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng: điểm b khoản 4 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 47; Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Xử phạt: Bị cáo Trần Văn V 20 năm tù, về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Giao trả lại cho bà Đoàn Thị X số tiền 20.000.000 đồng. Giao trả lại cho chị Nguyễn Thị Trúc P 01 xe mô tô Exciter biển số 67G1 – 638.09, đã qua sử dụng và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 052536, tên Nguyễn Thị Trúc P, không liên quan đến hoạt động phạm tội của bị cáo.

Tịch thu nộp vào ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động hiệu Nokia và 01 điện thoại di động hiệu Samsung của bị cáo sử dụng vào việc phạm tội.

Tịch thu tiêu hủy các vật chứng còn lại không còn giá trị sử dụng được thu giữ trong quá trình điều tra.

Luật sư trình bày lời bào chữa cho bị cáo Trần Văn V: Thống nhất về tội danh, khung hình phạt, tình tiết giảm nhẹ như Viện kiểm sát truy tố và đề nghị đối với bị cáo không tranh luận. Tuy nhiên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét thêm các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo, như: Ngoài việc thành khẩn khai báo bị cáo còn tỏ rõ thái độ ăn năn hối cải; tự nguyện chỉ nơi cất giấu ma túy khi bị khám xét; tự khai báo lần phạm tội trước; hoàn cảnh gia đình khó khăn; mẹ lớn tuổi mất sức lao động; con còn nhỏ; có thể xử phạt bị cáo từ 15 năm đến 17 năm cũng đủ tác dụng giáo dục bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng:

Trong quá trình điều tra, truy tố, Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an tỉnh An Giang, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang, Kiểm sát viên đã

thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, người làm chứng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Trong vụ án này có một số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; người làm chứng vắng mặt tại phiên tòa không rõ lý do, mặc dù Tòa án đã tổng đạt giấy triệu tập hợp lệ. Xét thấy, sự vắng mặt của họ không gây trở ngại đến việc xét xử giải quyết vụ án; mặt khác, những người này đã có lời khai trong quá trình điều tra, khi cần thiết Hội đồng xét xử sẽ công bố lời khai của họ trước tòa. Căn cứ Điều 192; Điều 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Những chứng cứ xác định hành vi phạm tội của bị cáo:

Tại phiên tòa, cũng như trong giai đoạn điều tra bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình như Viện kiểm sát truy tố. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; người làm chứng; Biên bản bắt người phạm tội quả tang; Kết luận giám định số 27, 28/KLGT-PC09 (MT) ngày 23 và 24 tháng 01 năm 2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh An Giang; Các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó đã có đầy đủ căn cứ để kết luận: Bị cáo Trần Văn V đã có hành vi mua bán trái phép chất ma túy loại Methamphetamine, có tổng khối lượng là 247,901gam. Cho nên, hành vi của bị cáo Trần Văn V đã phạm vào tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm b khoản 4 Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang đã truy tố bị cáo về tội danh và điều luật như đã viện dẫn là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Đối với:

- Những người đã bán, mua ma túy với Trần Văn V do không rõ nhân thân, lai lịch cụ thể nên không thể tiến hành xác minh làm việc được, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an tỉnh An Giang sẽ tiếp tục xác minh làm rõ, xử lý sau.

- Trần Văn V khai nhiều lần mua ma túy bán lại cho người thanh niên lạ tại xã PH, huyện PT và việc Huỳnh Văn T (Lâm E) khai mua ma túy của V nhiều lần để sử dụng nhưng V không thừa nhận. Xét thấy, ngoài lời khai trên không còn tài liệu chứng cứ nào quy kết Trần Văn V mua bán ma túy nhiều lần nên không truy cứu thêm trách nhiệm hình sự là phù hợp.

- Huỳnh Văn T (Lâm E) có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy nên Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an tỉnh An Giang đã có Công văn đề nghị xử lý hành chính.

- Quá trình điều tra không có cơ sở xác định Tô Thị Út G đã mua ma túy của V nên Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an tỉnh An Giang không đề nghị xử lý đối với G là có căn cứ.

- Nguyễn Thị Trúc P trong thời gian chung sống như vợ chồng với Trần Văn V không biết V mua bán ma túy nên Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an tỉnh An Giang, không truy cứu trách nhiệm hình sự là có cơ sở.

- Trần Văn V khai nhiều lần tham gia đá gà ăn thua bằng tiền là trái pháp luật, nhưng quá trình điều tra chưa chứng minh được số tiền, số lần, số người tham gia đánh bạc nên chưa có cơ sở xử lý Trần Văn V về hành vi đánh bạc, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh An Giang tiếp tục xác minh, làm rõ xử lý sau.

[3] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:

Methamphetamine là chất ma túy, chất gây nghiện cực kỳ nguy hiểm bởi nó hủy hoại sức khỏe và trí lực người sử dụng, làm mất khả năng lao động, rối loạn hành vi, ảnh hưởng xấu đến đạo đức và thuần phong mỹ tục của dân tộc, nó còn làm tiêu tán tài sản, gây kiệt quệ nền kinh tế, phá vỡ hạnh phúc gia đình, là nguyên nhân làm phát sinh nhiều tệ nạn xã hội và tội phạm khác, ảnh hưởng xấu đến xã hội. Bị cáo nhận thức được hành vi của bản thân là vi phạm pháp luật, biết rõ tác hại của chất ma túy gây ra các hậu quả xấu cho xã hội là như thế nào. Lẽ ra, bị cáo phải biết cố gắng lao động tạo ra của cải vật chất để nuôi sống bản thân, gia đình và giúp ích cho xã hội. Nhưng chỉ vì hám lợi, muốn có nhiều tiền để tiêu xài và có ma túy sử dụng để thỏa mãn cơn nghiện cho bản thân, mà bị cáo đã bất chấp pháp luật, hậu quả xảy ra và cố ý dấn sâu vào con đường phạm tội thực hiện việc mua bán trái phép chất ma túy loại Methamphetamine, có tổng khối lượng là 247,901gam thì bị bắt quả tang.

Hành vi phạm tội của bị cáo là đặc biệt nghiêm trọng, nguy hiểm cho xã hội; xâm phạm đến chính sách độc quyền và các quy định của Nhà nước về quản lý các chất ma túy; gây mất an ninh trật tự tại địa phương. Do đó, cần phải xét xử bị cáo với một mức án nghiêm, tương xứng với hành vi phạm tội mới đủ tác dụng giáo dục, cải tạo nhằm răn đe và phòng ngừa chung.

Tuy nhiên, xét thấy trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo; tỏ rõ thái độ ăn năn hối cải; là lao động làm thuê, hoàn cảnh gia đình khó khăn, học lực thấp nên nhận thức pháp luật có phần hạn chế; con còn nhỏ, mẹ già mất sức lao động. Vì vậy, khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử có cân nhắc xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cũng đủ tác dụng giáo dục, cải tạo bị cáo.

[4] Các biện pháp tư pháp khác:

- Giao trả lại cho bà Đoàn Thị X số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng). Giao trả lại cho chị Nguyễn Thị Trúc P 01 xe mô tô Exciter biển số 67G1 –

638.09 đã qua sử dụng và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 052536, tên Nguyễn Thị Trúc P, không liên quan đến hoạt động phạm tội của bị cáo.

- Tịch thu nộp vào ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động hiệu Nokia và 01 điện thoại di động hiệu Samsung của bị cáo sử dụng vào việc phạm tội.

- Tịch thu tiêu hủy các vật chứng còn lại không còn giá trị sử dụng được thu giữ trong quá trình điều tra.

Các vật chứng trên được quản lý theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 16/6/2020 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh An Giang.

[5] Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Tuyên bố bị cáo Trần Văn V phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Áp dụng: điểm b khoản 4 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 47; Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về án phí, lệ phí tòa án.

Xử phạt: Bị cáo Trần Văn V 20 (hai mươi) năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 20/01/2020.

- Giao trả lại cho bà Đoàn Thị X số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng). Giao trả lại cho chị Nguyễn Thị Trúc P 01 xe mô tô Exciter biển số 67G1 – 638.09 đã qua sử dụng và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 052536, tên Nguyễn Thị Trúc P, không liên quan đến hoạt động phạm tội của bị cáo.

- Tịch thu nộp vào ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động hiệu Nokia và 01 điện thoại di động hiệu Samsung của bị cáo sử dụng vào việc phạm tội.

- Tịch thu tiêu hủy các vật chứng còn lại không còn giá trị sử dụng được thu giữ trong quá trình điều tra.

Các vật chứng trên được quản lý theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 16/6/2020 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh An Giang.

Bị cáo Trần Văn V phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn đồng) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo Trần Văn V người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nhưng người phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ thì còn

phải chịu lãi suất đối với số tiền chậm thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, sự tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh An Giang;
- Cục THA.DS tỉnh An Giang;
- Trại tạm giam;
- Phòng CSĐT (PC45);
- Bị cáo;
- Phòng Kiểm tra nghiệp vụ và Thi hành án hình sự;
- Tòa Hình sự;
- PV 06;
- Sở Tư pháp;
- Văn phòng;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Thái Văn Chấn**